**BẢN THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH**

**NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 52/2018/TT-NHNN NGÀY 31/12/2018 QUY ĐỊNH VỀ XẾP HẠNG TCTD, CHI NHÁNH NHNNG (DỰ THẢO THÔNG TƯ)**

**I – Sự cần thiết xây dựng Thông tư:**

**1. Cơ sở pháp lý:**

- Điều 58 Luật NHNN năm 2010 về nội dung giám sát ngân hàng quy định: *“...3. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của tổ chức tín dụng; xếp hạng các tổ chức tín dụng hằng năm...”.*

- Điều 27 (Mục 2) Thông tư số 27/2016/TT-NHNN ngày 28/9/2016 về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của NHNN (Thông tư số 27) quy định về quy trình soạn thảo, xây dựng, lấy ý kiến, tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia, thẩm định, trình ký ban hành...đối với dự thảo Thông tư do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành.

**2. Định hướng điều hành của Đảng, Chính phủ và NHNN:**

Việc xây dựng và ban hành dự thảo Thông tư được căn cứ trên các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng, Chính phủ và NHNN (Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 của Thống đốc NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021, Thông báo số 02/TB-NHNN ngày 22/01/2021 tại cuộc họp Ban lãnh đạo NHNN ngày 13/01/2021 (Thông báo số 02), Thông báo số 76/TB-NHNN ngày 16/3/2021 tại cuộc họp Ban lãnh đạo NHNN ngày 05/3/2021 về công tác giám sát của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (Thông báo số 76)), cụ thể:

- Tại Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 – 2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 liên quan đến lĩnh vực ngân hàng đã nêu rõ: *“...Xây dựng và hoàn thiện nền tài chính quốc gia; cơ cấu lại, tăng cường giám sát và điều tiết các thị trường tài chính. Nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh, tính minh bạch và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và hoạt động của các tổ chức tín dụng, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam...(Mục V.4) và...Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển...(Mục V.10)”*

- Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Chính phủ đã nêu một trong số các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu liên quan đến lĩnh vực ngân hàng: “*... Tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao...”.*

- Tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 của Thống đốc NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021, một trong số các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2021 là: *“...Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.”*

- Tại Thông báo số 02, Thống đốc NHNN có ý kiến chỉ đạo đối với Cơ quan TTGSNH như sau: *“…2.4. Rà soát lại tổng thể các quy định tại Thông tư 52 để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hoạt động ngân hàng hiện nay.”*

- Tại Thông báo số 76, Thống đốc NHNN có ý kiến chỉ đạo đối với Cơ quan TTGSNH như sau: “…*2. Chú trọng nâng cao hiệu quả cả 2 nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vi mô trên cơ sở áp dụng phương pháp giám sát tuân thủ kết hợp với giám sát trên cơ sở rủi ro phù hợp với chuẩn mực về giám sát ngân hàng của Ủy ban Basel*”.

Như vậy, các chỉ đạo, định hướng của các cấp có thẩm quyền liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực ngân hàng đều tập trung vào việc tăng cường hiệu quả công tác giám sát hoạt động của các TCTD. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52 sẽ hoàn thiện hơn nữa cơ sở pháp lý về xếp hạng các TCTD nhằm phản ánh đầy đủ thực trạng và mức độ rủi ro trong hoạt động của các TCTD; từ đó tăng cường hiệu quả của công tác giám sát ngân hàng, giúp kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý đối với từng TCTD nhằm đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống các TCTD.

**3. Cơ sở thực tiễn:**

Từ thực tiễn cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2015-2020, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, sự nỗ lực, quyết liệt của ngành Ngân hàng và sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, đến nay công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu theo Quyết định số 1058 của Thủ tướng Chính phủ[[1]](#footnote-1) đã được triển khai nghiêm túc, có hiệu quả. Trong quá trình triển khai Quyết định số 1058, một số cơ chế đặc thù như cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ, phân bổ/hoãn trích lập dự phòng rủi ro, thoái lãi dự thu…đã được cấp có thẩm quyền cho phép TCTD thực hiện nhằm hỗ trợ công tác cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu của các TCTD này.

Xác định công tác cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD là một quá trình, do ảnh hưởng phát sinh khó lường từ dịch bệnh Covid-19 gây ra, thực hiện nhiệm vụ của NHNN trong năm 2021 tại Phụ lục số 04, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Chính phủ về việc: “*Xây dựng Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025 (Nhiệm vụ số 59)”* và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo NHNN về vấn đề này, Cơ quan TTGSNH đang tham mưu trình cấp có thẩm quyền xây dựng Đề án nêu trên cho giai đoạn 2021-2025.

Tuy nhiên, để có đầy đủ cơ sở, thông tin để thực hiện nhiệm vụ trên cần nắm được đầy đủ thực trạng hoạt động, mức độ rủi ro của TCTD thông qua kết quả xếp hạng theo quy định tại Thông tư số 52. Do đó, trong thời gian tới, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định tại Thông tư số 52 nhằm giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xếp hạng các TCTD thời gian vừa qua. Trong đó, các chỉ tiêu phục vụ xếp hạng cần được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các TCTD trong trường hợp không được chấp thuận thực hiện các cơ chế đặc thù *(cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ, phân bổ/hoãn trích lập dự phòng rủi ro, thoái lãi dự thu...).*

**4. Định hướng xây dựng Thông tư:**

Căn cứ vào cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên các định hướng sau:

 *-* Nhằm hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát của các TCTD trong thời gian tới.

- Phù hợp với sự phát triển và đặc thù trong hoạt động của các loại hình TCTD, chi nhánh NHNNg.

- Nhằm phản ánh đầy đủ thực trạng và mức độ rủi ro trong hoạt động của các TCTD

- Tăng cường hiệu quả của công tác giám sát ngân hàng, giúp kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý đối với từng TCTD nhằm đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống các TCTD.

- Các thuật ngữ, nội dung quy định tại dự thảo Thông tư đảm bảo rõ ràng, minh bạch và phù hợp; tránh chồng chéo và việc các văn bản khác nhau cùng quy định về một vấn đề, tạo điều kiện cho TCTD, chi nhánh NHNNg, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg làm căn cứ xây dựng, triển khai việc xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg.

Về cơ bản, quy định tại dự thảo Thông tư sẽ hoàn thiện hơn nữa cơ sở pháp lý về xếp hạng các TCTD nhằm phản ánh đầy đủ thực trạng và mức độ rủi ro trong hoạt động của các TCTD; từ đó tăng cường hiệu quả của công tác giám sát ngân hàng, giúp kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý đối với từng TCTD nhằm đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống các TCTD.

**III – Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:**

**1. Tên Thông tư:**

Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg.

**2. Các nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:**

***2.1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“1. Tỷ lệ an toàn vốn là chỉ tiêu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

***2.2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“2. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư 41/2016/TT-NHNN)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 \left(\%\right)=\frac{Vốn cấp 1 riêng lẻ}{Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ} ×100\%$$

b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 \left(\%\right)=\frac{Vốn cấp 1}{RWA+12,5 ×\left(K\_{OR}+K\_{MR}\right)} ×100\%$$

Trong đó:

* RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng
* $K\_{OR}$: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

- $K\_{MR}$: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

***2.3. Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“5. Khách hàng có dư nợ tín dụng lớn là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ cấp tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Riêng đối với Ngân hàng Hợp tác xã, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn bao gồm cả Quỹ tín dụng nhân dân thành viên”.

***2.4. Gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 10 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“- Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá, không bao gồm trái phiếu VAMC), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm”.

***2.5. Gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 15 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“- Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

***2.6. Khoản 16 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“16. Mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng trên cơ sở số liệu tại thời điểm ngày 31/12 năm xếp hạng) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề thời điểm thực hiện xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng đột xuất)”.

***2.7. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

 “1.Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:

a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;

b) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính được kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);

d) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước”.

***2.8. Bãi bỏ điểm đ Khoản 1 Điều 8.***

***2.9. Số thứ tự 4.1 Điều 14 về Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân được sửa đổi, bổ sung như sau:***

 “Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng thấp, ngoại trừ trường hợp lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm”.

***2.10. Số thứ tự 2.2 và 2.3 Điều 15 về trọng số (%) đối với Ngân hàng hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“a) Số thứ tự 2.2 Điều 15: 25%.

“b) Số thứ tự 2.3 Điều 15: 15%”.

***2.11. Khoản 2, 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“2. Điểm 5 nếu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có hành vi vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng được phát hiện trong năm xếp hạng và các vi phạm phát hiện trước năm xếp hạng đã khắc phục xong tại từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính.

3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận các mức điểm thấp dần khi vi phạm các quy định pháp luật nêu tại các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. Các vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm theo nguyên tắc sau:

a) Vi phạm được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính bao gồm:

(i) Vi phạm được xác định thông qua kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;

(ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo.

b) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng:

(i) Đối với hành vi vi phạm có quy định mức phạt tiền tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ được xác định căn cứ vào mức tiền phạt trung bình đối với vi phạm, cụ thể như sau:

- Điểm 4 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 100 triệu đồng;

- Điểm 3 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 200 triệu đồng và lớn hơn 100 triệu đồng;

- Điểm 2 nếu mức phạt tiền trung bình vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 300 triệu đồng và lớn hơn 200 triệu đồng;

- Điểm 1 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm lớn hơn 300 triệu đồng.

(ii) Đối với các hành vi vi phạm khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;

(iii) Trường hợp vi phạm nhiều quy định khác nhau (tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính) tương ứng với các mức điểm khác nhau, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm thấp nhất trong số các mức điểm tương ứng với các vi phạm;

(iv) Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính căn cứ vào quy định nêu tại Điểm b (i), b (ii), b (iii) Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:

 - Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nhiều lần đối với cùng một quy định và/hoặc vi phạm nhiều lần đối với các quy định khác nhau sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).

- Riêng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo và chưa khắc phục xong, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).

(v) Riêng vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng đã khắc phục xong trong năm xếp hạng theo đánh giá của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thì không bị tính điểm.

c) Các vi phạm được phát hiện trước năm xếp hạng chưa được khắc phục xong được sử dụng để chấm điểm trong năm xếp hạng theo quy định tại Điểm b (i), b (ii), b (iii), b (iv) Khoản này cho đến khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn thành khắc phục”.

***2.12. Khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính theo quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó”.

***2.13. Khoản 6 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 03 tháng liên tục;

b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 06 tháng liên tục”.

***2.14. Khoản 7 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“7. Ngoài quy định nêu tại Khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E chưa được NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;

c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục”.

***2.15. Bổ sung Khoản 8 vào Điều 20 như sau:***

“8. Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:

a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9;

b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5”.

***2.16. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 21 như sau:***

“3. Căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và đối với từng trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian thực hiện xếp hạng và phê duyệt kết quả xếp hạng khác quy định tại Khoản 1, 2 Điều này”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

 **CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG**

1. Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”. [↑](#footnote-ref-1)